

NĂM THỨ TẦM SỐ 669



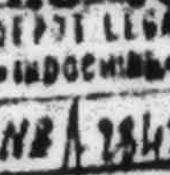
HỘ KHẨU  
TIẾNG DÂN

HỘ KHẨU  
TIẾNG DÂN

甲戌年正月十五日

Võ phi Hung, cựu HS Petrus Ky, 67-74, lăng cho Quận Ven Dương

NGÀY THỨ TƯ



NĂM 1934

28 FÉVRIER 1934

## GIÁ BẢN

ĐÔNG PHÁP	NGOẠI QUỐC
Đầu năm 5.500	6.500
Sau tháng 2.50	4.50
Sau tháng 1.50	2.50

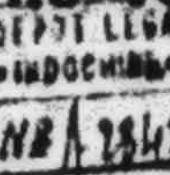
Mua báo phải trả tiền trước.  
Thứ và mandat gửi cho M.  
TRẦN-BÌNH PHIEN. — Ai đang  
quảng cáo, việc riêng, xin thương  
nhất trước.

Chủ-nhiệm kiêm Chủ-tịch  
HUY NHẬT THÚC KHÁNG  
Quản-lý  
TRẦN-BÌNH PHIEN

La Voix du Peuple

Mỗi tuần xuất-bản hai kỳ: thứ tư và thứ bảy

NGÀY THỨ TƯ



NĂM 1934

BẢO QUẢN  
Số 122, đường Đồng Ba, Huế  
Giáy-thép số 100  
Giáy-thép số 100  
Giáy-thép số 100

Mã-Việt

## NĂM MỚI VỚI ÔNG GIÀ

(Ông Doumergue 70 tuổi đứng ra tề chúc  
Nội-các Pháp sau cuộc biến động)

Mỗi lần cái năm kia thay cũ đổi mới, thì người đời thêm lên một tuổi. Cái tuổi mỗi năm mỗi thêm岁, làm cho kẻ trẻ lớn lên, mà ông già càng già thêm. Hưởng chí ở cái đời sinh tồn phản đối này, tràn đầy hy vọng về việc quốc gia, xã hội, phản động đều chủ trọng vào lớp thanh niên. Mà ông già, ai cũng xem như hạng người bô xó, dẫu có « Ông già ba tuổi » như lời ngon tay đã nói, cũng không ai thêm tên xia gi đến nữa.

Vậy mà trong nhấp nhôm mới nay, có một Ông già 70 tuổi đâu, dính

nhau rà gánh xác một công việc vì đại phu thường, làm cho loạn cả dư luận thế giới đều kính phục và khen ngợi, ấy là Ông Doumergue, nguyên Tổng-thống nước Pháp, đứng ra là chức Hội các mởi, sau cuộc biến động sôi nổi vì cái án o Bagonne.

Trước thời cuộc rắc rối trên chia như thế, nếu người ta đương đầu mà thiếu tài và đức, danh vọng không đủ trấn phục lòng người, công tâm không đủ làm công chung tin nhiệm, thì cuộc rối kia có thể kéo dài ra, chưa biết ngày nào liều giải !

Tadi già mà làm lòng người và can đảm nhiệm sự vẫn không già, ông Doumergue đang nắm yên trong nhà vườn, không là khó nhọc, chẳng quản chua cay, bỗng minh ra mà cái cái gánh nặng kia lên vai, quả thước và kháng khai là giường nào !

Sóng gió lớn mà sau mới biết trả đũa của nhà cầm lái nghè, quâ

## CHUYỆN ĐỜI

Không ai mời mà được ăn đám cưới

Chàng là thường thấy trên trường giao lộ, 2 người không hiểu tiếng nói nhau thì y là có người thông dịch, 3 người za le mà mèn lèm sút da với nhau, thi gõa có người làm môi đóng. Trong quan trường mà 2 bến sang đối nhau, thi gõa có anh dán zéc nhọn cùi 2 đầu. Người ô gõa ấy thường lịt dạng cái zéc 2 bến đều cắn đèn minh mả chém được cái địa vị trọng yếu, đèn nào cũng không rời mình ra được. Nhưng dùi là người làm giao thông giao kia cũng có ta công nhia ít mới được hưởng mồi lợi, chờ không phải không được.

Đến cái zec được hưởng mồi lợi trang

gian kia mà tuýt phén không định lui

gi về, 2 bến, cũng chẳng lèn chửi công gì,

mời là đang lèn lèm lè, chuyễn thực dưới

lực: ực ngô ta có cùi; « Lèn sút một nhá,

lèn da cùi họ », nói thi nói vúg, chờ thực

chỉ 2 nhá sai da với người mai đóng là

dù, nea as có quen biết hết bù con cùi họ

của nhà sút da kia, như là huyền nay

sang huyền khác, thi người họ của nhà sút

da, không người huyền gặp nhau không

tiết mặc nữa kia. Vì thế mà có bức ảnh

lèn hùa thuần cho Nội các mới.

Nghịêm như túc Ông ở dinh Tổng

thông và bộ ngoại giao bước ra,

thi trên con đường Ông đi qua,

đông chàng lèo leo như rước vú đại

tướng chúa thẳng, thi đùi rõ ràng

lèn chia lài, chờ không phải không

điều ai dài là héo.

Chính ngày làm cưới đó, cậu ta không

quen biết gì: 2 họ kia cùi, nhưng chàng đỡ

tối, áo hàng khăn nhiều, chun mang giày

họ lèng mèo, chục sút bến đường gần

bên phè họ gai. Đến lúc họ trở

lại, thi cậu đã mang tên kia áo sít, sao

che, nea vúng vúng, xe iuga râm rộ, phao

đổi vang lung; họ gai cho người ra mời

họ trai vao, thi cậu ta ngang nhiên cảng

vú.

Đó với cậu ta khôn không mồi, bèn

nhìn trai trinh trinh xung quanh

nhà gai thi nhận cậu là người bén nhá trai,

còn cùi nghiêm nhưn ngòi vúch đe, đánh

chén và ăn noi đường hoang. Một lít rát

so, họ nứa trai ru vú, họ nhá gai đỡt

phao, cậu cũng lại xách phao đói, rồi dóng

luôn.

Thì là của làm ông khách sang trong

đám cưới ấy, mà không ai biết tên lài cậu

ta gi hiết. Sau cậu thuật chuyện cho người

khác nghe, mới hay là cậu « xó ».

Cái lít « xó » ấy, không chỉ trong đám

cưới, phẩm trên đai cư trường hợp nào

trên khán hiếu thưa nrau, thi sao gõa

cùng co hàng « xó » ấy. Trên trường quade

là hòi là công cuộc chánh trị, gi gi cũng

thể là công việc của ông.

Trước 7 năm nay, ở miền Lý bát

đặc (nước Đức) có người có tánh

bão kỵ, viết một bức thư, ngoài b

đề gởi cho Thượng đế.. dem bô

thông bùi đền. Cuộc bùi chính

mùa ấy gõi sang La mã, là mả lị

gởi qua Hy lạp và Ba tư, đt kháp

mọi nơi, mới rồi lại giao lại cho

người gởi, ngoài bì có gián theo

một lít giấy viết mấy chữ tóm tắt

chỉ được trả 50% như năm nay.

Thương ura Anh Nga

Lần đó, 15 Février — Thương ura Anh

Nga có kỵ vào ngày thứ năm bay thứ sáu,

theo báo « Morning Post » thi kỵ là 5 năm.

Đó là kỵ nói rằng theo thương ura

Anh thuận cho Nga vay một số tiền khái

lớp, nhưng bằng hòn chót không phải

bằng bút, và Anh hứa không ngay trả

còn hứa trả cho Nga vay.

Chuẩn bị cho việc này

thuộc về kỵ hòa na Nam Mông tháp

Nhật bản, một hiệp ước, mua đt bùi

mở đường, công nghệ và thương mại

nhập khẩu, và kỵ hòa





# LUẬT-BÌNH HOÀNG-VIỆT

(Tiếp theo)

Các thứ giấy mờ viết hay in, các thứ tranh ảnh bằng in hay là hàng tay không có biển tên tuổi, giấy in và v.v. và người làm hay là người in, mà đã phát hành giúp công ty tội ác.

Nếu trong giấy viết giấy in, dù bẩn, bẩn in, hình ảnh tranh và sơn, nói trên đây, mà có xác định là người ta phạm tội đại hình, hay là tội trung ác, thời người làm người viết, hay là người in, và bị giam từ 1 năm đến 2 năm, kể cả xác định mà có thành hiện, thời người xử giục ấy sẽ là người tạo mưu và có một tội đại hình, một tội trung ác, và cả bị nguy hiểm, danh mà luật đã định và tội đại hình tội trung ác.

Hàng người bô cáo, ném yết, phát mài, pháo phát và mang theo những giấy viết, giấy in, hình ảnh, giấy họa đồ, hình ảnh hay là giấy tranh và sơn ở trên đây, nếu không chỉ ra được người nào đưa giấy xui xiny cho nó, thời sẽ bị phạt giam từ 6 tháng đến 1 năm, nếu chỉ ra được người xui xiny cho phạt giam từ 1 tháng đến 2 tháng, hay là phạt bạc từ 10\$ đến 20\$ mà thôi.

Điều thứ 132. - Nếu dân ta bô cáo, không có phép Chánh phủ Bô cáo chúa cho, thời không được xuất ban nhưng nhất bao lạy kỵ bao. Chính phủ lại có thể bắt nạp trước bạc kỵ qđ, dù phòng khi viên chức bô cáo hay là viên quan lý phải phạt hàn.

Nếu trai thê lợ áy, phải phạt giam từ 1 tháng hay là phạt từ 10\$ đến 20\$.

Điều thứ 133. - Người nào lang tú, cho lừa hành, hay là bô cáo trong nước nhưng sách vở hay là nhật báo, lệnh quan săm thời sá bô, phạt giam từ 2 tháng đến 10 tháng, hay là phạt bạc từ 10\$ đến 100\$ hay là nhất thiết phạt giam. Nhưng sách vở hay là nhật báo cầm sá bị thất lạc.

Tháng phẩm sá bô; nghĩ xít bằng sáu tờ' chinh pham.

Điều thứ 134. - Người nào phản phát tuyên tông, hay là phò Trần và các thắc ca bô, và nêu tên, bô vè, bô vè in, tranh và sơn, hình ảnh, giấy chép ảnh, giấy may bô, mà làm phẩm đón phong tụcJean lý hay là bô hình người đại bô của nhà nước, phải phạt giam từ 2 tháng đến 6 tháng, hay là phạt bạc từ 20\$ đến 60\$.

Còn người bô cáo, phản phát, phản mai hay là mang theo, tội mang như thế, nếu chỉ được xin giao cào mìn 6 áy, thời chỉ phải phạt giam 1 tháng hay là phạt bạc 10\$.

Điều thứ 135. - Người nào lây ngôn từ ca hát, giấy viết, giấy in, hình ảnh, các tranh và sơn, tranh ảnh, giấy chép ảnh, hay là bô hay là nhật báo, lệnh quan săm thời sá bô, phạt giam từ 2 tháng đến 10 tháng, hay là phạt bạc từ 10\$ đến 100\$ không có là thành phẩm đón phong tục bô.

(Còn nữa)

## INJECTION PEYRARD D'ALGER

Thuốc thử hiệu này chế ra để lâu rồi và hiệu nghiệm hơn các thử BÊ TRỊ BÌNH BÀ-LÙU mới đây là có đà rõ rệt. Trong 222 người A-Rập dùng thuốc này chỉ lâm bệnh hết 221 người (tỷ lệ 100% hiệu quả). Giá mỗi liều 1000.000 đồng.

và đồng tiền là thuốc có dụng.

## TRUNG-QUỐC HỌC-TÙY

## 中國學術

Đã có tin tức về Quốc gia

## CAO XUÂN-HUY biến dịch

Trong số các bộ truyện và tiểu phẩm trong lĩnh vực xã hội, triết học, văn học nước Tiong, chỉ có tác giả Phan-phiêng là có nhiều bài đồng luân, bài luận, bài phê bình, và có giá trị nhất là bài phê bình về xã hội Trung Quốc.

Quảng 1. - TRUNG-HỌC. - Nhà, truyền, triết.

Quảng 2. - SÔ-HỌC. - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 3. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 4. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 5. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 6. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 7. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 8. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 9. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 10. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 11. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 12. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 13. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 14. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 15. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 16. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 17. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 18. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 19. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 20. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 21. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 22. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 23. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 24. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 25. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 26. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 27. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 28. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 29. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 30. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 31. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 32. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 33. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 34. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 35. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 36. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 37. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 38. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 39. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 40. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 41. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 42. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 43. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 44. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 45. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 46. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 47. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 48. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 49. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 50. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 51. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 52. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 53. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 54. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 55. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 56. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 57. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 58. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 59. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 60. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 61. - TRUNG-HỌC. - Lao-chô - Lao-chô - Trung-chô - Quốc-phiêng, Cao-phiêng, Sô-hô - Hán-thu, Triết-chép-phát; Sô-chép.

Quảng 62. - TRUNG-HỌ